TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2026/DS-ST
Ngày: 26-01-2026
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

2. Ông Quách Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/2026/TB-TĐTG ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1947 (có mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu như sau*:

Vào năm 2024 do cần tiền xoay sở trong gia đình nên ông Lê Văn T có hỏi vay chị nhiều lần như sau:

Ngày 30/3/2024 ông Lê Văn T hỏi vay chị số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 11/4/2024 ông Lê Văn T hỏi vay chị số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 27/07/2024 ông Lê Văn T tiếp tục hỏi vay chị số tiến 10.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận, tổng số tiền 25.000.000 đồng. Từ khi vay ông Lê Văn T có lãi cho chị đến tháng 8/2024 với số tiền 4.250.000 đồng, từ tháng 9/2024 đến nay ông Lê Văn T không trả lãi và gốc cho chị. Tổng số tiền ông Lê Văn T còn nợ tiền vốn gốc chị là 25.000.000 đồng và lãi. Chị đòi nhiều lần nhưng Lê Văn T không trả mà hẹn lần lựa nhiều lần vẫn không trả số tiền trên cho chị. Nay chị yêu cầu ông Lê Văn T trả cho chị số tiền vay vốn gốc và tiền lãi còn nợ là 29.400.000 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 25.000.000 đồng và trả tiền lãi từ tháng 9/2024 đến tháng 7/2025 theo quy định pháp luật với số tiền 4.400.000 đồng (25.000.000 đồng x 1,6%/tháng = 400.000 đồng x 11 tháng), ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T trình bày như sau*:

Ông Lê Văn T thừa nhận, do cần tiền xoay sở trong gia đình nên ông có hỏi vay chị Nguyễn Thị N nhiều lần như sau:

Ngày 30/3/2024 ông có hỏi vay chị Nguyễn Thị N số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 11/4/2024 ông có hỏi vay thêm của chị Nguyễn Thị N số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 27/07/2024 ông tiếp tục hỏi vay chị Nguyễn Thị N số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận. Tổng số tiền ông vay của chị Nguyễn Thị N là 25.000.000 đồng, sau đó ông và chị Nguyễn Thị N có ký biên nhận nợ với nhau, sau khi vay ông có đóng lãi có chị Nguyễn Thị N số tiền lãi 17.500.000 đồng, đóng một thời gian thì ông không có khả năng đóng lãi nửa. Nay ông đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền vay còn nợ là 25.000.000 đồng tiền vốn gốc, mỗi tháng ông trả 500.000 đồng trả cho đến khi hết số tiền nêu trên, ông xin bớt tiền lãi, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân tên Nguyễn Thị N (Bản phô tô); Đơn yêu cầu ngày 28/11/2024 của chị Nguyễn Thị N (Bản chính); Biên bản hòa giải ngày 13/12/2024 của Ban Lãnh đạo ấp Xẻo Nhàu A (Bản chính); Tờ giấy nội dung nhờ hỏi dùm Bác 5 Thắm nợ N (Bản phô tô và bản chính); Đơn xin xác nhận ngày 07 tháng 7 năm 2025 của chị Nguyễn Thị N (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N yêu cầu ông Lê Văn T trả cho chị số tiền vay vốn gốc và tiền lãi còn nợ là 29.000.000 đồng, trong đó tiền vốn gốc là

25.000.000 đồng và trả tiền lãi từ tháng 9/2024 đến tháng 7/2025 với số tiền 4.000.000 đồng (25.000.000 đồng x 1,6%/tháng = 400.000 đồng x 11 tháng), trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nói trên, chị không yêu cầu ông Lê Văn T trả tiền lãi sau tháng 8/2025, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lê Văn T thừa nhận có vay tiền và hiện nay còn nợ chị Nguyễn Thị N số tiền vốn gốc 25.000.000 đồng, tiền lãi từ tháng 9 năm 2024 đến nay chưa trả. Nay ông đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền vay gốc còn nợ là 25.000.000 đồng, trả mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên, ông không đồng ý trả số tiền lãi 4.000.000 đồng, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N yêu cầu bị đơn ông Lê Văn T trả tiền vay còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn điều cư trú tại: xã T, tỉnh An Giang nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng vay tài sản giữa chị Nguyễn Thị N và ông Lê Văn T được xác lập bằng lời nói, có xác nhận nợ (Tờ giấy tập, nội dung nhờ hỏi dùm Bác 5 Thắm nợ N), chưa ghi rõ ngày tháng năm, kỳ hạn trả nợ là chưa phù hợp theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Xét khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N yêu cầu bị đơn ông Lê Văn T phải trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền vốn gốc và tiền lãi là 29.000.000 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 25.000.000 đồng và trả tiền lãi là 4.000.000 đồng (T1 từ tháng 9/2024 đến tháng 7/2025 là 11 tháng, 25.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 11 tháng) và ông Lê Văn T thừa nhận có vay còn nợ số tiền vốn gốc 25.000.000 đồng còn nợ, tiền lãi từ tháng 9 năm 2024 đến nay chưa trả. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của khởi kiện của chị Nguyễn Thị N phù hợp với lời trình bày của ông Lê Văn T cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Ông Lê Văn T vay tiền của chị Nguyễn Thị N 03 lần tổng số tiền vốn gốc là 25.000.000 đồng, sau đó ông Lê Văn T tiền lãi cho chị Nguyễn Thị N đến tháng 8/2024, từ tháng 9/2024 ông Lê Văn T không trả tiền vay đúng theo thỏa thuận là vi phạm

nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, phát sinh tranh chấp, chị Nguyễn Thị N yêu cầu Ban Lãnh đạo ấp Xẻo Nhàu A giải quyết nhưng không thành, nợ cho đến nay. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, buộc ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền vốn gốc và tiền lãi từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 7 năm 2025 là 11 tháng với số tiền là 29.400.000 đồng. Trong đó: 25.000.000 đồng tiền vốn gốc và 4.400.000 đồng tiền lãi (25.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 11 tháng), nhưng chị Nguyễn Thị N bớt số tiền lãi 400.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị N, buộc ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền vốn gốc và tiền lãi từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 7 năm 2025 là 11 tháng với số tiền là 29.000.000 đồng. Trong đó: 25.000.000 đồng tiền vốn gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi.

Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Lê Văn T trả tiền lãi phát sinh từ sau tháng 8/2025 cho đến khi trả hết nợ nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nhưng bị đơn ông Lê Văn T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Lê Văn T. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, buộc ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền vốn gốc và tiền lãi từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 7 năm 2025 là 11 tháng với số tiền là 29.000.000 đồng. Trong đó: 25.000.000 đồng tiền vốn gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi (25.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 11 tháng).

Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Lê Văn T trả tiền lãi phát sinh từ sau tháng 8/2025 cho đến khi trả hết nợ nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án chị Nguyễn Thị N nếu người phải thi hành án ông Lê Văn T không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án ông Lê Văn T còn phải trả cho người được thi hành án chị Nguyễn Thị N một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.450.000 đồng (29.000.000 đồng x 5%), nhưng bị đơn ông Lê Văn T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị N không phải chị án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 735.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 008724 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26/01/2026.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo